

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:15/2021/DS-ST
Ngày 29-9-2021
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trương Xuân Vũ;

2- Bà Vũ Thị Hồng.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Thu Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích Ph** 51 tuổi

Nơi đăng ký HKTT: Khu 3 thôn X- xã L M- huyện M- thành phố H.

Chỗ ở: Thôn N V- xã M- huyện L- tỉnh Y, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị **Lý Thị Minh H** 40 tuổi và anh **Nguyễn Văn Tr** 43 tuổi

Nơi đăng ký HKTT: Thôn N L- xã Kh- huyện L- tỉnh Y. Tạm trú: Tổ 10 thị trấn Y Th- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 30-3-2021 và trong bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích Ph trình bày: Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 12 năm 2020 chị đã cho vợ chồng chị Lý Thị Minh H và anh Nguyễn Văn Tr vay tiền ba lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 10-11-2019 vay 80.000.000 đồng, hạn trả ngày 10-5-2020.

Lần 2: Ngày 24-6-2020 vay 88.000.000 đồng, hạn trả ngày 30-8-2020.

Lần 3: Ngày 08-12-2020 vay 86.000.000 đồng, hạn trả ngày 08-02-2021.

Tổng số tiền vay trong ba lần là 254.000.000đ (*Hai trăm năm mươi tư triệu đồng*). Mặc dù đã quá hạn nhưng chị H, anh Tr không trả tiền. Nay chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị H, anh Tr phải trả số tiền gốc đã vay là 254.000.000 đồng nói trên, không yêu cầu tính lãi suất.

Trong bản tự khai; biên bản lấy lời khai đồng bị đơn là chị Lý Thị Minh H và anh Nguyễn Văn Tr trình bày: Ngày 10-11-2019 anh chị có vay của chị Nguyễn Thị Bích Ph số tiền là 62.000.000 đồng hạn trả là ngày 10-5-2020. Hai bên viết giấy biên nhận vay số tiền là 80.000.000 đồng trong đó đã tính gộp cả tiền lãi trong 06 tháng với mức lãi suất 5%/tháng là 18.000.000 đồng; thực chất anh chị chỉ vay có 62.000.000 đồng. Quá hạn do không trả được số tiền trên, vợ chồng anh chị đến nhà xin khất nợ, chị Ph yêu cầu viết lại giấy vào ngày 24-6-2020 với số tiền vay là 88.000.000 đồng, hạn trả ngày 30-8-2020. Trong số 88.000.000 đồng có 8.000.000 đồng tiền lãi tính trên số tiền của giấy vay trước là 80.000.000 đồng x 5% x 02 tháng. Sau ngày 30-8-2020 anh chị đã nhiều lần trả tiền lãi cho chị Ph, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 08-9-2020 chị H trả 10.000.000 đồng qua tài khoản của Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT huyện L;

Lần 2: Ngày 15-9-2020 chị H trả trực tiếp 4.000.000 đồng nhưng không viết giấy tờ;

Lần 3: Ngày 01-10-2020 chị H trả trực tiếp 2.000.000 đồng nhưng không viết giấy tờ;

Lần 4: Ngày 15-11-2020 anh Tr trả 8.000.000 đồng qua tài khoản của Ngân hàng BIDV huyện L;

Lần 5: Ngày 05-4-2021 anh Tr trả 3.500.000 đồng qua tài khoản của Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT huyện L;

Ngoài 5 lần trên, anh Tr còn trực tiếp trả cho chị Ph 1 lần 3.500.000 đồng và 1 lần 500.000 đồng nhưng không nhớ ngày cụ thể và cũng không viết giấy tờ biên nhận.

Ngày 08-12-2020, chị Ph đến nhà, anh chị đã trực tiếp trả 10.000.000 đồng tiền lãi; hai bên viết lại giấy biên nhận vay số tiền 86.000.000 đồng, hạn trả ngày 08-02-2021. Trong giấy viết lại lần này có ghi “Huỷ tất cả các giấy vay tiền cũ”, tuy nhiên dòng chữ này chị Ph đã tẩy xoá. Khi viết lại giấy, chị có hỏi lại giấy vay tiền cũ thì chị Ph nói là giấy để ở nhà và đã hết hạn. Anh chị khẳng định thực tế chỉ vay 62.000.000 đồng vào ngày 10-11-2019, các giấy vay tiền sau là giấy viết lại và đã cộng gộp thêm cả tiền lãi nhưng do sơ suất vợ chồng chị đã không lấy lại giấy vay tiền cũ. Nay chị Ph khởi kiện yêu cầu phải trả số tiền 254.000.000 đồng, vợ chồng chị không nhất trí mà chỉ đồng ý trả số tiền 86.000.000 đồng theo giấy vay tiền lần thứ ba vào ngày 08-12-2020.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự

được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng chị Lý Thị Minh H- anh Nguyễn Văn Tr phải trả cho chị Nguyễn Thị Bích Ph số tiền đã vay...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân với nhau thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị Bích Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 12 năm 2020 giữa chị Nguyễn Thị Bích Ph và vợ chồng chị Lý Thị Minh H- anh Nguyễn Văn Tr đã xác lập ba hợp đồng vay tài sản với tổng số tiền là 254.000.000 đồng. cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 10-11-2019 vay 80.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, hạn trả ngày 10-5-2020.

Lần 2: Ngày 24-6-2020 vay 88.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận, hạn trả ngày 30-8-2020.

Lần 3: Ngày 08-12-2020 vay 86.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận, hạn trả ngày 08-02-2021.

Đến nay vợ chồng chị H- anh Tr chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho chị Ph là đúng thực tế.

Quá trình giải quyết vụ án do đang ở vùng dịch nên không thể đến Tòa án theo giấy triệu tập, chị Ph có văn bản đề nghị không tiến hành hoà giải và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đồng bị đơn thừa nhận có ký ba khế ước vay với tổng số tiền 254.000.000 đồng vào các thời điểm nêu trên nhưng cho rằng thực chất chỉ vay có 62.000.000 đồng vào ngày 10-11-2019, cộng cả tiền lãi trong 06 tháng với mức lãi suất 5%/tháng là 18.000.000 đồng và viết giấy vay là 80.000.000 đồng. Khế ước vay tiền vào các ngày 24-6-2020 và 08-12-2020 là hai giấy viết lại với số tiền còn nợ lần lượt tại hai thời điểm và số tiền lãi chưa trả nhưng do sơ suất vợ chồng chị đã không lấy lại giấy vay tiền cũ.

Theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình pH thể hiện bằng văn bản và pH thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*; nếu *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh Tr không xuất trình được một chứng cứ nào để chứng minh hai khế ước vay tiền vào các ngày 24-6-2020 và 08-12-2020 là hai giấy viết lại với số tiền còn nợ lần lượt tại hai thời điểm và số tiền lãi chưa trả cộng gộp lại. Trong khi đó chứng cứ do chị Ph cung cấp là ba giấy biên nhận vay tiền ở ba thời điểm khác nhau, số tiền khác nhau và đều có chữ ký của bên vay. Do vậy sự phản đối của chị H và anh Tr nêu trên không có căn cứ chấp nhận.

Tại khoản 1 điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì pH trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Trong vụ án này mặc dù chị Ph đã nhiều lần yêu cầu nhưng chị H và anh Tr vẫn không thanh toán đầy đủ số tiền trên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, do đó yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích Ph có căn cứ chấp nhận.

Đối với 03 chứng từ giao dịch tại các ngân hàng do chị H và anh Tr xuất trình thể hiện số tiền chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Bích Ph là 21.500.000 đồng, theo lời khai của bị đơn thì đây là số tiền thanh toán lãi. Tuy nhiên quan điểm của nguyên đơn chỉ yêu cầu chị H và anh Tr phải trả số tiền gốc theo 03 khế ước hai bên đã ký mà không yêu cầu thanh toán lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Bích Ph được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; chị Lý Thị Minh H và anh Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ các điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Lý Thị Minh H và anh Nguyễn Văn Tr có nghĩa vụ phải trả cho chị Nguyễn Thị Bích Ph số tiền là 254.000.000đ (*Hai trăm năm mươi tư triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/Về án phí: Căn cứ khoản 1 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chị Lý Thị Minh H và anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 12.700.000đ (*Mười hai triệu bảy trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Bích Ph được hoàn lại 6.350.000đ (*Sáu triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2017/0008567 ngày 08-4-2021.

3/Về quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Lý Thị Minh H và anh Nguyễn Văn Tr có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị Bích Ph có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô